

## QUYẾT ĐỊNH

### Phê duyệt nhiệm vụ và dự toán chuẩn bị đầu tư

(Bước lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư)

Dự án: Khắc phục sạt lở bờ sông, bờ biển khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên

### GIÁM ĐỐC BAN QUẢN LÝ ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI 7

Căn cứ Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn số 1516/QĐ-BNN-TCCB ngày 20/4/2017 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi trực thuộc Bộ;

Căn cứ các Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 275/2025/NĐ-CP ngày 18/10/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025; số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: số 11/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 về việc Hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 12/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 về việc Ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1375/QĐ-BNNMT ngày 20/4/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc giao thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư Dự án Khắc phục sạt lở bờ sông, bờ biển khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên;

Căn cứ Văn bản số 4832/BNNMT-KHTC ngày 14/5/2026 của Bộ NN và MT về việc nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030, trong đó có danh mục dự án Khắc phục sạt lở bờ sông, bờ biển khu vực Nam Trung bộ và Tây nguyên;

Căn cứ nhiệm vụ và dự toán chuẩn bị đầu tư (bước lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư), dự án Khắc phục sạt lở bờ sông, bờ biển khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên do Công ty TNHH Tư vấn trường Đại học Thủy lợi lập tháng 5/2026.

Căn cứ Tờ trình ngày 25/5/2026 của Phòng Quản lý Thi công về việc Thẩm định, phê duyệt Nhiệm vụ và dự toán chuẩn bị đầu tư bước lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, dự án Khắc phục sạt lở bờ sông, bờ biển khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên;



Theo đề nghị của Trưởng phòng Kỹ thuật – Thẩm định tại báo cáo thẩm định ngày 25/5/2026.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt nhiệm vụ và dự toán chuẩn bị đầu tư (bước lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư), dự án Khắc phục sạt lở bờ sông, bờ biển khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên với nội dung như sau:

1. Nội dung nhiệm vụ:

- Điều tra, khảo sát thực địa, thu thập đánh giá tài liệu, hiện trạng phục vụ lập BCĐXCTĐT;

- Lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo quy định;

- Thực hiện công tác quản lý dự án và các công tác khác có liên quan.

2. Danh mục hồ sơ: Tập nhiệm vụ, dự toán chuẩn bị đầu tư bước lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư do Công ty TNHH Tư vấn trường Đại học Thủy lợi lập tháng 5/2026.

3. Dự toán chi phí:

- Dự toán chuẩn bị đầu tư (bước lập BCĐXCTĐT): 784.008.000 đồng (*Bảy trăm tám mươi tư triệu không trăm lẻ tám ngàn đồng*).

- Dự toán gói thầu: Hạng mục điều tra khảo sát, thu thập tài liệu, lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư: 681.121.000 đồng (*Sáu trăm tám mươi một triệu, một trăm hai mươi một ngàn đồng*)

(Chi tiết có phụ lục I kèm theo)

4. Nguồn vốn: Vốn đầu tư công do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý.

5. Thời gian thực hiện lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư: 28 ngày (không kể thời gian thẩm định, phê duyệt).

**Điều 2.** Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính, Kỹ thuật – Thẩm định, Tài chính – Kế toán, Quản lý thi công, Công ty TNHH Tư vấn trường Đại học Thủy lợi và Thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Vụ KH-TC, Cục QL ĐĐ và PCTT (b/c);
- Giám đốc, Phó GD (A. Tuyền);
- Lưu : VT.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Lê Khắc Tuyền**



**Phụ lục I: Dự toán chuẩn bị đầu tư**

(Bước lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư)

**Dự án Khắc phục sạt lở bờ sông, bờ biển khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên**  
 (Kèm theo Quyết định 490/QĐ-BQL ngày 25/5/2026 của Ban QLĐT và XD TL 7)

| STT        | Khoản mục chi phí                                                                      | Giá trị (đồng)     |                   |                    | Ghi chú |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-------------------|--------------------|---------|
|            |                                                                                        | Trước thuế         | Thuế VAT 8%       | Sau thuế           |         |
| <b>I</b>   | <b>Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng</b>                                                  | <b>636.667.270</b> | <b>50.453.382</b> | <b>687.120.652</b> |         |
| 1          | Chi phí khảo sát, lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư                                | 630.667.270        | 50.453.382        | 681.120.652        |         |
| 1.1        | Khảo sát đánh giá hiện trạng, thu thập thông tin và tài liệu phục vụ lập Báo cáo ĐXCĐT | 131.513.270        | 10.521.062        | 142.034.332        | PL1     |
| 1.2        | Lập Hồ sơ báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư                                            | 499.154.000        | 39.932.320        | 539.086.320        | PL1     |
| 2          | Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu tư vấn                              | 6.000.000          |                   | 6.000.000          |         |
| <b>II</b>  | <b>Chi phí quản lý dự án</b>                                                           | <b>20.614.000</b>  |                   | <b>20.614.000</b>  |         |
| <b>III</b> | <b>Chi phí khác</b>                                                                    | <b>5.000.000</b>   |                   | <b>5.000.000</b>   |         |
| 1          | Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu                  | 5.000.000          |                   | 5.000.000          |         |
| <b>IV</b>  | <b>Dự phòng (10%)</b>                                                                  |                    |                   | <b>71.273.465</b>  |         |
|            | <b>TỔNG CỘNG (làm tròn)</b>                                                            |                    |                   | <b>784.008.000</b> |         |





## PHỤ LỤC 1 BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ

**Hạng mục công việc: Điều tra, thu thập tài liệu và đánh giá hiện trạng**

| TT | Hạng mục công việc            | Ký hiệu | Diễn toán                      | Giá trị trước thuế | Thuế giá trị gia tăng 8% | Giá trị sau thuế   |
|----|-------------------------------|---------|--------------------------------|--------------------|--------------------------|--------------------|
| 1  | Chi phí chuyên gia            | Gcg     | PL 1.1                         | 57.890.000         | 4.631.200                | 62.521.200         |
| 2  | Chi phí quản lý               | Gql     | $C_{cg} \times 55\%$           | 31.839.500         | 2.547.160                | 34.386.660         |
| 3  | Chi phí khác                  | Gk      | PL 1.2                         | 36.400.000         | 2.912.000                | 39.312.000         |
| 4  | Thu nhập chịu thuế tính trước | TL      | $(C_{cg} + C_{ql}) \times 6\%$ | 5.383.770          | 430.702                  | 5.814.472          |
|    | <b>Tổng cộng (làm tròn)</b>   |         |                                | <b>131.513.270</b> | <b>10.521.062</b>        | <b>142.034.000</b> |





### PHỤ LỤC 1.1 - CHI PHÍ CHUYÊN GIA

Hạng mục công việc: Điều tra, thu thập tài liệu và đánh giá hiện trạng

| TT       | Nội dung tính toán                                                                                                          | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá   | Thành tiền        | Ghi chú |
|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------|-----------|-------------------|---------|
| <b>1</b> | <b>Công tác ngoại nghiệp</b>                                                                                                |             |            |           | <b>51.156.000</b> |         |
| 1.1      | Thu thập tài liệu kỹ thuật liên quan đến khảo sát, thiết kế, thi công xây dựng, GPMB và quản lý vận hành các tuyến xung yếu |             |            |           | 37.688.000        |         |
| -        | Chủ nhiệm lập Báo cáo đề xuất chủ trương                                                                                    | ngày công   | 14         | 2.692.000 | 37.688.000        |         |
| 1.2      | Quay phim chụp ảnh bằng UAV                                                                                                 |             |            |           | 13.468.000        |         |
| -        | Kỹ thuật viên Bay chụp UAV                                                                                                  | ngày công   | 14         | 962.000   | 13.468.000        |         |
| <b>2</b> | <b>Công tác nội nghiệp</b>                                                                                                  |             |            |           | <b>6.734.000</b>  |         |
| -        | Tổng hợp, phân tích, xử lý thông tin, tài liệu thu thập liên quan để có tài liệu lập Báo cáo ĐXCĐT                          |             |            |           |                   |         |
| -        | Kỹ thuật viên Bay chụp UAV                                                                                                  | ngày công   | 7          | 962.000   | 6.734.000         |         |
|          | <b>Tổng cộng</b>                                                                                                            |             |            |           | <b>57.890.000</b> |         |

### PHỤ LỤC 1.2 - CHI PHÍ KHÁC

Hạng mục công việc: Điều tra, thu thập tài liệu và đánh giá hiện trạng

| TT  | Nội dung tính toán                                                              | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá   | Thành tiền | Ghi chú  |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------|-----------|------------|----------|
| 1   | Chi phí khác                                                                    |             |            |           | 36.400.000 |          |
| 1   | Chi phí lưu trú, công tác phí cho công tác ngoại nghiệp                         |             |            |           | 15.400.000 |          |
| 1.1 | Phụ cấp công tác phí                                                            | ngày        | 28         | 300.000   | 8.400.000  |          |
| 1.2 | Xăng xe                                                                         | ngày        | 14         | 500.000   | 7.000.000  |          |
| 2   | Chi phí văn phòng phẩm, máy móc phục vụ cho công tác nội nghiệp, biên tập hồ sơ | Trọn gói    | 7          | 3.000.000 | 21.000.000 | Trọn gói |



PHỤ LỤC 2

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI PHÍ

Hạng mục công việc: Lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư



| STT | NỘI DUNG THIẾT KẾ PHÍ                       | G <sub>A</sub><br>(tỷ) | G <sub>B</sub><br>(tỷ) | N <sub>A</sub> | N <sub>B</sub> | G <sub>T</sub><br>(tỷ) | N <sub>T</sub> | GIÁ TRỊ XÂY DỰNG<br>(ĐỒNG) | HỆ SỐ | GIÁ TRỊ THIẾT KẾ PHÍ (ĐỒNG) |              |             |
|-----|---------------------------------------------|------------------------|------------------------|----------------|----------------|------------------------|----------------|----------------------------|-------|-----------------------------|--------------|-------------|
|     |                                             |                        |                        |                |                |                        |                |                            |       | TRƯỚC THUẾ                  | THUẾ GTGT 8% | SAU THUẾ    |
| [1] | [2]                                         | [3]                    | [4]                    | [5]            | [6]            | [7]                    | [8]            | [9]                        | [10]  | [11]                        | [12]         | [13]        |
| 1   | Lập Hồ sơ báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư | 1.500                  | 2.300                  | 0,030%         | 0,027%         | 1.708                  | 0,0292%        | 1.845.000.000.000          | 1,0   | 499.154.000                 | 39.932.000   | 539.086.000 |

2

Giá trị Xây dựng trên là tạm tính theo suất vốn đầu tư của một số công trình tương tự. Giá trị sẽ được cập nhật theo TMDT sơ bộ trong Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư được duyệt.

